giai đoạn 15 năm thực thi cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1991-2005).

**** Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai giai đoạn quá độ từ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1986-1990)***

- Tình hình chung

Ở giai đoạn này, nền kinh tế nước ta đang trong tình trạng tồn tại đan xen giữa hai cơ chế quản lý kinh tế cũ và mới: cơ chế quản lý kinh tế cũ chưa được xoá bỏ hoàn toàn, cơ chế quản lý kinh tế mới chưa được xác lập một cách rõ nét. Đây là thời kỳ với những khó khăn, thách thức rất lớn đối với tất cả các đơn vị sản xuất - kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các đơn vị kinh tế nhà nước và tập thể, khi Nhà nước không còn bao cấp về vốn, vật tư, tiêu thụ sản phẩm... trong khi chúng đã nhiều năm quen nếp với cơ chế tập trung bao cấp.

+ Số lượng các đơn vị kinh tế nhà nước và tập thể:

Trong giai đoạn này, đại bộ phận các đơn vị kinh tế nhà nước, tập thể gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp nhanh chóng hoà nhập, thích nghi với cơ chế mới và từng bước vươn lên đứng vững trong cơ chế thị trường, nhưng cũng có không ít doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã đã không thể tồn tại được trong cơ chế mới mà phải giải thể, sáp nhập, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã ngành thương mại, dịch vụ.

Số doanh nghiệp nhà nước giảm đáng kể trong giai đoạn này, từ 207 doanh nghiệp năm 1985 xuống còn 183 doanh nghiệp năm 1990 (giảm 11%). Số doanh nghiệp giảm chủ yếu là những doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, vốn ít, trình độ quản lý và tư duy thấp kém.

Số lượng hợp tác xã giảm rất nhanh, từ 285 hợp tác xã năm 1985 giảm xuống còn 82 hợp tác xã vào năm 1990 (giảm 71,2%); số hợp tác xã giảm chủ yếu là những hợp tác xã ngành thương mại, vì mô hình này không thích ứng được với cơ chế mới, khả năng cạnh tranh yếu kém, thua lỗ nhiều.

+ Số lượng các đơn vị kinh tế khu vực cá thể:

Trong khi số lượng doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã giảm đáng kể thì số cơ sở sản xuất - kinh doanh cá thể phi nông nghiệp tăng khá nhanh trong giai đoạn này. Từ 14.000 hộ năm 1985 tăng lên 19.980 hộ năm 1990, tăng hơn 5.000 hộ (42,7%), kinh tế cá thể đã từng bước vươn lên nắm giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ bán lẻ trong khi kinh tế tập thể và nhà nước trong lĩnh vực này thu hẹp dần.

+ Lực lượng lao động trong các thành phần kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ rệt:

Lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước giảm từ 87,2 nghìn người năm 1985 xuống còn 55,4 nghìn người năm 1990, giảm 36,47%, tỷ trọng trong tổng số lao động xã hội giảm từ 16,47% xuống còn 8,1%. Lao động kinh tế tập thể từ 8,5 nghìn người giảm xuống còn 3,85 nghìn người, giảm 54,17% và tỷ trọng trong tổng số lao động xã hội giảm từ 1,61% xuống còn 0,61%. Trong khi đó, lao động khu vực cá thể (gồm cả hộ nông nghiệp) tăng nhanh, năm 1985 có 433,6 nghìn người, chiếm tỷ trọng 81,9% lao động xã hội, đến năm 1990 đã tăng lên 570,5 nghìn người, tăng 31,57% so với năm 1985 và chiếm tỷ trọng 91,4% lao động xã hội.

+ Đóng góp cho tăng trưởng và tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong cơ cấu GDP của tỉnh:

Đây là thời kỳ quá độ từ cơ chế cũ sang cơ chế mới với những khó khăn thách thức lớn, do đó đóng góp của các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh giai đoạn này thấp, tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của tỉnh là 2,7%, trong đó kinh tế nhà nước tăng 4,3%, tập thể tăng 1%, cá thể tăng 2%. Tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể (gồm cả hộ nông nghiệp) trong GDP của tỉnh năm 1990 tương ứng là 37,8%; 3,7%; 58,5%. Nhìn một cách tổng thể, tỷ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể không giảm sút so với năm 1985, mặc dù số cơ sở và lao động giảm đáng kể.

Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai trong một số lĩnh vực kinh tế chủ yếu giai đoạn 1986-1990

- Nông nghiệp

Số đơn vị quốc doanh nông nghiệp trong giai đoạn này giảm từ 20 đơn vị năm 1985 xuống còn 16 đơn vị năm 1990. Đặc biệt, số hợp tác xã nông nghiệp giảm mạnh, từ 22 hợp tác xã năm 1985 xuống còn 6 hợp tác xã năm 1990 (giảm 72,73%).

Giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1986-1990 tăng thấp, chỉ đạt mức tăng bình quân 2,51%/năm, trong đó quốc doanh tăng không đáng kể (0,15%/năm), ngoài quốc doanh tăng 2,8%/năm.

Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn giảm từ 11,68% năm 1985 xuống còn 10,38% năm 1990. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ngoài quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tăng từ 88,32% lên 89,62%.

Nhìn tổng thể, kinh tế quốc doanh và tập thể trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp giai đoạn này giảm sút cả về quy mô và hiệu quả kinh tế.

- Công nghiệp

Số lượng doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp đã giảm từ 115 doanh nghiệp năm 1985 xuống còn 105 doanh nghiệp vào năm 1990, do một số đơn vị có quy mô nhỏ, lao động ít, hiệu quả kinh tế thấp, không thích nghi được với cơ chế mới (chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý) đã bị giải thể, sáp nhập. Số hợp tác xã đã giảm từ 20 hợp tác xã năm 1985 xuống còn 10 hợp tác xã năm 1990. Trong khi đó, hộ sản xuất cá thể tăng từ 2.101 hộ lên 2.274 hộ (tăng 8,2%).

Giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh hàng năm giai đoạn 1986-1990 tăng bình quân 6,2%, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 6,6% (quốc doanh trung ương tăng 4,9%, quốc doanh địa phương tăng 10,9%), công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 3,7%. Tỷ trọng công nghiệp quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn từ 85,71% năm 1985 tăng lên 87,33% năm 1990; tỷ trọng công nghiệp ngoài quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 1985 là 14,29%, năm 1990 giảm xuống còn 12,67%. Như vậy, mặc dù giảm về số lượng nhưng giá trị sản xuất và tỷ trọng trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa

bàn của công nghiệp quốc doanh vẫn tăng cao hơn so với công nghiệp ngoài quốc doanh trong giai đoạn này.

- Thương mại, dịch vụ

Khu vực quốc doanh và tập thể trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ giai đoạn này giảm đáng kể về số cơ sở, lao động và tỷ trọng trong cơ cấu bán lẻ xã hội. Số đơn vị quốc doanh toàn tỉnh giảm từ 29 đơn vị năm 1985 xuống còn 20 đơn vị năm 1990. Số hợp tác xã thương mại, dịch vụ giảm nhanh: năm 1985 có 279 hợp tác xã, đến năm 1990 chỉ còn 50 hợp tác xã, giảm 229 hợp tác xã (82%). Số hộ cá thể kinh doanh thương mại, dịch vụ tăng lên nhanh: năm 1985 có 11.624 hộ, đến năm 1990 có 15.848 hộ, tăng 4.224 hộ (36,3%). Tỷ trọng trong cơ cấu bán lẻ xã hội của kinh tế quốc doanh giảm từ 41% năm 1985 xuống còn 31,3% năm 1990, tỷ trọng trong cơ cấu bán lẻ xã hội của kinh tế cá thể tăng từ 46% năm 1985 lên 66,2% năm 1990.

**** Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai giai đoạn 15 năm thực thi cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1991-2005)***

- Tình hình chung

Sau giai đoạn thử nghiệm 1986-1990, đến năm 1991 cơ chế kinh tế thị trường được áp dụng ở nước ta một cách tương đối triệt để. Nhà nước thừa nhận, khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng tồn tại, cạnh tranh lành mạnh để phát triển góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Nhà nước ta đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài vào cuối năm 1988, Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào cuối năm 1990. Những chính sách và văn bản pháp luật này đã nhanh chóng phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng thúc đẩy nền kinh tế thị trường trên cả nước và ở Đồng Nai phát triển nhanh và ổn định với sự tham gia của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (bao gồm cá thể) và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Kinh tế nhà nước

Số lượng doanh nghiệp nhà nước ở Đồng Nai giảm đáng kể, từ 183 doanh nghiệp năm 1990 đến năm 2000 còn 107 doanh nghiệp, giảm

41,53% so với năm 1990. Đến cuối năm 2004 còn 98 doanh nghiệp, giảm 8,41% so với năm 2000. Số doanh nghiệp nhà nước ở Đồng Nai giảm trong giai đoạn này là do hàng năm tỉnh đã tiến hành sắp xếp, củng cố lại các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thông qua các biện pháp sáp nhập, giải thể, bán, khoán, cho thuê, cổ phần hóa[1]. Mặc dù giảm đáng kể về số lượng doanh nghiệp nhưng lực lượng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước tăng khá nhanh, năm 2004 có 103,5 nghìn người, tăng 87% so với năm 1990, bình quân mỗi năm lực lượng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước tăng 4,6%. Đặc biệt, quy mô vốn kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước tăng nhanh: năm 1990 vốn của doanh nghiệp nhà nước là 921,13 tỷ đồng; năm 2000 là 6.414,94 tỷ đồng, bằng 6,9 lần năm 1991, chiếm 14,13 % vốn xã hội; năm 2004 là 9.800 tỷ đồng, tăng 53% so với năm 2000, chiếm 12,4% tổng vốn của nền kinh tế; mức tăng vốn kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước bình quân hàng năm thời kỳ 1991-2004 gần 20%. Vốn kinh doanh bình quân của một doanh nghiệp nhà nước ngày càng tăng, năm 1990 là 5.077,2 triệu đồng, năm 2000 là 59.953 triệu đồng, năm 2004 là 99.000 triệu đồng (2004 tăng 19,5% so với năm 1990).

Hàng năm kinh tế nhà nước đóng góp từ 20 đến 25% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Tăng trưởng GDP hàng năm của kinh tế nhà nước đạt mức bình quân giai đoạn 1991-2005 là 11,4%, trong đó giai đoạn 1991-2000 là 12,75%, giai đoạn 2001-2005 là 8,6%, tỷ trọng giá trị sản xuất của kinh tế nhà nước trong GDP có xu hướng giảm dần trong 15 năm qua: năm 1990 là 37,8%, năm 1995 là 36,1%, năm 2000 là 30,4% và năm 2005 ước tính là 26,5%. Xu hướng này là do từ năm 1991 đến nay có sự phát triển nhanh của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế tư nhân, đồng thời một số doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa có vốn nhà nước dưới 51% đã chuyển hình thức sở hữu sang khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Mặc dù kinh tế nhà nước đến nay chỉ chiếm dưới 30% trong GDP của tỉnh nhưng luôn nắm giữ các khâu và các lĩnh vực trọng yếu, then chốt của nền kinh tế như điện, thông tin - liên lạc, tín dụng, ngân hàng, phân bón...

---

[1] Từ năm 1999 đến nay, Đồng Nai có gần 40 doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương đã thực hiện cổ phần hóa, trong đó khoảng 50% số doanh nghiệp loại này có vốn nhà nước nhỏ hơn 51% được chuyển sang loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Nhìn tổng thể, tuy giảm đáng kể về số lượng doanh nghiệp nhưng khu vực kinh tế nhà nước thật sự phát triển về nhiều mặt: quy mô vốn, lao động tăng lên đáng kể, khả năng cạnh tranh trên thị trường, hiệu quả kinh tế từng bước được nâng lên và luôn nắm giữ các khâu, các lĩnh vực trọng yếu, then chốt của nền kinh tế.

- Kinh tế tập thể

Trong giai đoạn 1991-2000, kinh tế tập thể gặp rất nhiều khó khăn, hầu hết không có khả năng cạnh tranh để đứng vững trên thị trường vì tiềm lực vốn nhỏ bé, trình độ quản lý thấp kém, phương thức kinh doanh đơn giản, chậm đổi mới khi chuyển sang cơ chế thị trường, không còn sự bao cấp từ phía Nhà nước. Số hợp tác xã giảm sút nhanh trong thời kỳ 1991-1995, đến năm 1995 toàn tỉnh chỉ còn 32 hợp tác xã đang hoạt động, giảm 50 hợp tác xã (61%) so với năm 1990. Số hợp tác xã giảm đi chủ yếu là các hợp tác xã thương mại, tín dụng, vận tải, công nghiệp. Có thể nói, đây là giai đoạn khó khăn nhất của kinh tế tập thể. Đến giai đoạn 1996-2000, thực hiện chủ trương của Nhà nước là tiến hành chuyển đổi hợp tác xã trước đây thành hợp tác xã kiểu mới và vận động thành lập mới mô hình hợp tác xã nên số lượng hợp tác xã đã tăng dần. Trong giai đoạn này đã thành lập thêm được 25 hợp tác xã. Như vậy, đến năm 2000 toàn tỉnh có 57 hợp tác xã hoạt động trong các ngành kinh tế.

Từ 2001 đến nay, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cũng như các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương các cấp thể hiện qua việc ban hành và thực thi các chủ trương, chính sách củng cố và phát triển kinh tế tập thể như Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 18-2-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể", Nghị quyết số 48/2003/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 11-1-2003 về việc thông qua đề án phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đến năm 2010... thành phần kinh tế này bước đầu đã có sự phát triển rõ nét hơn.

Theo báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 13- NQ/TW trên địa bàn tỉnh từ tháng 6-2002 đến tháng 6-2004, số lượng hợp tác xã tăng khá nhanh. Đến tháng 6 năm 2004 toàn tỉnh có 113 hợp tác xã các loại đăng ký thành lập, tăng 40 hợp tác xã (54%) so với năm 2002, với số vốn

điều lệ hơn 30 tỷ đồng và gần 23.000 xã viên. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra doanh nghiệp ngày 1-4-2004 của ngành thống kê thì toàn tỉnh có khoảng 77 hợp tác xã đã hoạt động, tăng 35% so năm 2002, số còn lại đang trong giai đoạn chuẩn bị mà chưa chính thức đi vào hoạt động.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1991-2004, kinh tế hợp tác xã phát triển chậm trên các mặt: số đơn vị, lao động, đóng góp vào GDP, vốn...

GDP của kinh tế tập thể tăng bình quân 8,5%/năm trong giai đoạn 15 năm 1991-2005, trong đó giai đoạn 1991-1995 giảm bình quân 2,4%/năm, giai đoạn 1996-2000 tăng bình quân 31%/năm, giai đoạn 2001-2005 ước tính tăng khoảng 1%. Tỷ trọng kinh tế tập thể trong GDP của tỉnh từ 1995 đến nay rất thấp: năm 1995 là 0,25%, năm 2000 là 0,55%, dự tính năm 2005 khoảng 0,5%. Nguyên nhân của tình trạng này là tốc độ tăng trưởng GDP của kinh tế tập thể trong giai đoạn 15 năm qua thấp trong khi các thành phần kinh tế khác tăng trưởng rất nhanh.

Lao động của kinh tế tập thể chiếm tỷ lệ còn khiêm tốn trong tổng số lao động trên địa bàn tỉnh: năm 1995, lao động của kinh tế tập thể là 2,4 nghìn người, chiếm 0,31% lao động toàn tỉnh; năm 2000 có 3,27 nghìn người, tăng 36,25% so với năm 1995 và chiếm 0,34% tổng số lao động toàn tỉnh; năm 2004 có 3,5 nghìn người, tăng 7,03% so với năm 2000 và chiếm 0,35 % tổng số lao động toàn tỉnh.

Vốn sản xuất kinh doanh của kinh tế tập thể tuy có tăng dần qua các năm về giá trị tuyệt đối, nhưng chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vốn sản xuất kinh doanh của toàn tỉnh, đồng thời tỷ lệ này có xu hướng ngày càng giảm dần: năm 1991, vốn của kinh tế tập thể là 67,17 tỷ đồng, chiếm 5,48% vốn sản xuất - kinh doanh của toàn tỉnh; năm 1995 là 142 tỷ đồng, chiếm 0,78%; năm 2000 là 188,6 tỷ đồng, chiếm 0,42%; ước tính, năm 2004 có 280 tỷ đồng, chiếm 0,35%.

Nhìn chung 20 năm đổi mới 1986-2005, kinh tế tập thể là thành phần phát triển chậm, không ổn định và ít nhận được sự ủng hộ từ phía xã hội so với các thành phần kinh tế khác, những mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả vẫn chưa được xác định, kinh tế tập thể vẫn là thành phần yếu kém về nhiều mặt: vốn, lao động, năng lực và trình độ quản lý, khả năng cạnh tranh trên thị trường, hiệu quả sản xuất kinh doanh...

- *Kinh tế tư nhân* (gồm cả hộ sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp):

Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2000 ra đời đã mở ra thời kỳ mới để kinh tế tư nhân phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ tích cực của các ngành chức năng, kinh tế tư nhân ở Đồng Nai phát triển nhanh và ổn định. Đặc biệt từ đầu năm 2002, Nghị quyết 14-NQ/TW ngày 18-3-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về "Tiếp tục đổi với cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân" đã tiếp thêm sức mạnh cho kinh tế tư nhân phát triển.

Số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể tăng nhanh trong giai đoạn 1991-2005: Năm 1990 toàn tỉnh chưa có doanh nghiệp tư nhân nào, năm 1991 chỉ có 4 doanh nghiệp. Đến năm 1995, tức là sau 4 năm, toàn tỉnh đã phát triển được 662 doanh nghiệp, đến năm 2000 toàn tỉnh có 1.004 doanh nghiệp, tăng 51,66% so với năm 1995. Năm 2004 có 1.820 doanh nghiệp hoạt động, tăng 81,27% so với năm 2000; trong giai đoạn 1996-2000, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tư nhân tăng 8,7%; trong giai đoạn 2001-2004, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tư nhân tăng 16% (nhanh gấp 2 lần so với giai đoạn 1996-2000 kể từ khi Luật Doanh nghiệp mới có hiệu lực và Nghị quyết 14-NQ/TW ra đời).

Lao động trong các doanh nghiệp tư nhân tăng khá nhanh: năm 1995 có 14.311 người, năm 2000 có 33.247 người, tăng 2,32 lần so với năm 1995, năm 2004 có 80.000 người bằng 2,4 lần so với năm 2000.

Các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp (đăng ký hoạt động theo Nghị định 66/HĐBT) tăng nhanh trong giai đoạn 1991-2005, đặc biệt là từ 1996 đến nay. Năm 1990 toàn tỉnh có 19.981 hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp; năm 1995 có 43.161 hộ, tăng 2,16 lần so với năm 1990; năm 2000 có 62.949 hộ, tăng 45,85% so với năm 1995; năm 2004 có 82.552 hộ, tăng 31,1% so với năm 2000. Trong giai đoạn 1991-2005, bình quân mỗi năm số hộ sản xuất - kinh doanh cá thể (phi nông nghiệp) tăng 10,7%. Lực lượng lao động trong các hộ cá thể tăng nhanh, năm 1990 có 3.947 người;

năm 1995 có 76.379 người, tăng 101,35 so với năm 1990; năm 2000 có 99.331 người, tăng 30% so với năm 1995; năm 2004 ước tính có 125.000 người, tăng 25,8% so với năm 2000.

Bảng 7: Tốc độ tăng trưởng, cơ cấu GDP, lao động, vốn kinh doanh của kinh tế tư nhân (bao gồm hộ cá thể phi nông nghiệp) qua các năm[1]

	Đơn vị tính	1995	2000	2004	Tăng bình quân %		
					1996-2000	2001-2004	1996-2004
GDP kinh tế tư nhân (giá 1994)	tỷ đồng	1.369,18	2.185,23	3.352,15	12,40	11,3	11,85
GDP kinh tế tư nhân (giá TT)	tỷ đồng	1.880,65	2.835,43	4.854,73			
Tỷ trọng so với GDP của địa bàn	%	22,52	20,82	23,85			
Lao động kinh tế tư nhân	1000 người	90,69	132,58	205,0	10,0	11,5	10,7
Tỷ trọng so với lao động của địa bàn	%	11,3	14,75	20,0			
Vốn của kinh tế tư nhân	tỷ đồng	1.177,21	4.825,1	11.200	42,25	23,4	32,5
Tỷ trọng so với trên địa bàn	%	5,76	10,63	14,13			

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Số liệu biểu trên cho thấy, tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân ở Đồng Nai (gồm doanh nghiệp tư nhân và hộ sản xuất - kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, không tính hộ sản xuất nông nghiệp cá thể) giai đoạn 1996-2004 là khá cao (bình quân là 11,85%/năm), và giá trị sản xuất, lao động, vốn kinh doanh của thành phần kinh tế này có xu hướng ngày càng tăng cả về giá trị tuyệt đối và tương đối.

Nếu tính chung cả khu vực hộ sản xuất nông nghiệp cá thể, GDP của

[1] Số liệu trên chưa tính hộ sản xuất nông nghiệp cá thể.

khu vực kinh tế tư nhân cá thể năm 1995 chiếm 47,1% và năm 2004 chiếm khoảng 39% tổng GDP trên địa bàn; lực lượng lao động trong khu vực kinh tế này năm 1985 chiếm 85% và năm 2004 chiếm 70% lao động xã hội.

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Thành phần kinh tế này mới xuất hiện ở Đồng Nai từ những năm 1990 sau khi Nhà nước ta ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, song đây là thành phần kinh tế phát triển nhanh nhất so với các thành phần kinh tế khác trên địa bàn tỉnh. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã và đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của tỉnh: đầu tư nước ngoài đã bổ sung nguồn vốn và công nghệ rất quan trọng cho phát triển; thúc đẩy công nghiệp Đồng Nai phát triển; giải quyết việc làm; tăng trưởng xuất khẩu và tiếp cận với thị trường thế giới; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ; thúc đẩy mạnh mẽ việc quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thúc đẩy các thành phần kinh tế khác trong nước phát triển; thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế của tỉnh thời gian qua cũng như góp phần tăng trưởng GDP, tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, đổi mới cơ chế quản lý...

Nhờ có những biện pháp tích cực thu hút đầu tư mà tỉnh đã vận dụng một cách linh hoạt từ những chủ trương chính sách khuyến khích của Nhà nước, 15 năm qua Đồng Nai đã đạt được kết quả cao và luôn là một trong ba địa phương dẫn đầu cả nước trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài: số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động, số vốn, lao động cũng như GDP của khu vực kinh tế này tăng cao qua các thời kỳ, đặc biệt là từ 1995 đến nay.

Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh tăng rất nhanh: Từ khi Luật Đầu tư nước ngoài ra đời và có hiệu lực thi hành vào đầu năm 1989 đến năm 1991 Đồng Nai đã thu hút được 11 dự án đầu tư với số vốn đăng ký 505 triệu USD và đã có 3 doanh nghiệp đi vào hoạt động, đến năm 1995 đã có 35 doanh nghiệp đi vào hoạt động. Đầu năm 2000, toàn tỉnh đã có 187 doanh nghiệp có vốn đầu

tư nước ngoài đi vào hoạt động, tăng 5,34 lần so với năm 1995. Đến năm 2004 có 336 doanh nghiệp đi vào hoạt động, tăng 80% so với năm 2000. Bình quân, giai đoạn 1996-2000 số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 39,8%/năm, giai đoạn 2000-2004 tăng 15,75%/năm, cả thời kỳ 1996-2004 tăng bình quân 28,6%/năm. Hiện nay đã có 30 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Đồng Nai, đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng trên 30% GDP trong cơ cấu kinh tế tỉnh, trong khi đó tỷ trọng này của cả nước là khoảng 13%.

Bảng 8: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài từ 1995 đến 2004

	Đơn vị tính	Năm 1995	Năm 2000	Ước tính 2004	Tăng bình quân %		
					1996-2000	2001-2004	1996-2004
Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	doanh nghiệp	35	187	336	39,80	15,75	28,60
Số lao động	1000 người	25,1	89,22	195	28,85	21,60	25,60
Tỷ lệ so với lao động xã hội	%	3,23	9,4	19,02	-	-	-
GDP giá 94	tỷ đồng	752,4	2.931,51	5.824	31,25	18,70	25,60
GDP giá hiện hành	tỷ đồng	872,36	3.912,08	8.518,83	-	-	-
Tỷ lệ so GDP địa bàn	%	12,9	28,73	35,0	-	-	-
Vốn sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	12,510	33.980,6	58.000	22,10	14,30	18,60
Tỷ lệ so với vốn xã hội	%	68,98	74,85	73,16	-	-	-

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Đầu tư nước ngoài vào Đồng Nai chủ yếu tập trung vào những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, có thời gian thu hồi vốn nhanh như dệt may, giày da (chiếm tỷ lệ 38,5%), chế biến nông lâm sản (18%), cơ khí, lắp ráp hàng điện, điện tử gia dụng (17%) công nghiệp nhựa, sơn, hóa chất, phân bón (14,5%), xây dựng (6,3%) và khác (5,7%).

Biểu 20. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo ngành nghề

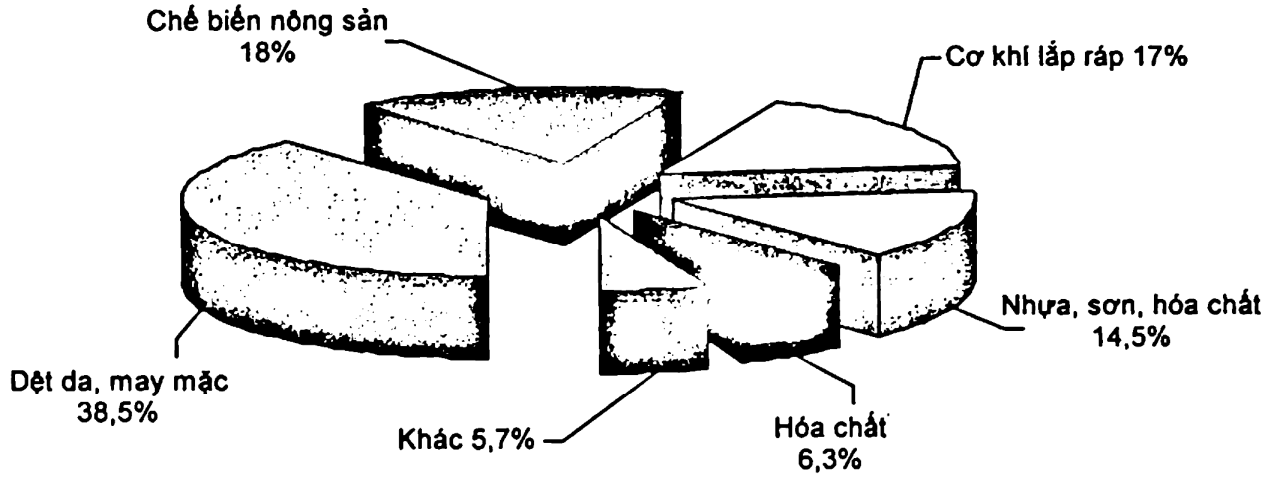

Nguồn: Báo cáo "Tổng kết quá trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai", Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai, tháng 11-2004.

Đầu tư nước ngoài tại Đồng Nai tập trung hầu hết ở các khu công nghiệp và gần như chiếm tỷ lệ tuyệt đối về vốn đầu tư vào đây, và chủ yếu dưới hình thức công ty 100% vốn nước ngoài, còn lại là dưới hình thức liên doanh. Trong số 608 dự án với tổng số vốn đăng ký tại các khu công nghiệp Đồng Nai tính đến hết năm 2003 là 6,6 tỷ USD thì có đến 420 dự án 100% vốn nước ngoài với vốn đầu tư 5,5 tỷ USD, chiếm 83% tổng số vốn đầu tư, 44 dự án liên doanh với vốn đầu tư 721 triệu USD, chiếm 11%, số dự án đầu tư trong nước chiếm tỷ lệ không đáng kể về vốn đầu tư.

Vốn sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế này chiếm phần lớn trong tổng vốn sản xuất kinh doanh của toàn tỉnh (không kể vốn của các hộ sản xuất nông nghiệp): Năm 1995 vốn của kinh tế đầu tư nước ngoài là 12.510 tỷ đồng, chiếm gần 69% tổng vốn trên địa bàn; năm

2004 ước tính khoảng 58.000 tỷ đồng, chiếm 73,16% tổng vốn trên địa bàn.

Tỷ trọng giá trị sản xuất của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong GDP toàn tỉnh tăng từ 12,9% năm 1995 lên 36% năm 2004, và dự tính chiếm 37% năm 2005, đặc biệt là tỷ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế này ngày càng lớn trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, từ 21% năm 1995 đã tăng lên đến 61,8% năm 2004 và dự kiến sẽ chiếm 63% giá trị sản lượng ngành công nghiệp vào năm 2005.

Tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức 25,6%/năm thời kỳ 1996-2004, trong đó giai đoạn 1996-2000 tăng 31,25%/năm, giai đoạn 2000-2004 tăng 18,7%/năm. Chính sự tăng trưởng nhanh GDP của khu vực kinh tế này đã góp phần đưa GDP trên địa bàn tỉnh tăng nhanh trong những năm qua.

Lực lượng lao động làm việc ở khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh: năm 1995 có 25,1 nghìn người, chiếm 3,23% tổng số lao động xã hội trên địa bàn; đến năm 2000 là 89,22 nghìn người, bằng 3,55 lần năm 1995 và chiếm 9,4% tổng số lao động xã hội; năm 2004 có khoảng 195 nghìn người, bằng 2,18 lần năm 2000 và chiếm trên 19% tổng số lao động xã hội. Bình quân lao động trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 25,6%/năm trong thời kỳ 1996-2004, tức là cao gấp 3 lần mức tăng lao động trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn đóng góp to lớn cho hoạt động xuất khẩu và ngân sách nhà nước: Năm 2003, chỉ riêng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp của tỉnh đã xuất khẩu 1,5 tỷ USD và nộp ngân sách 146 triệu USD.

- Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai trong một số lĩnh vực kinh tế chủ yếu giai đoạn 1991-2005

+ Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp ở Đồng Nai phát triển nhanh trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là giai đoạn 15 năm từ 1991 đến nay với sự tham gia của các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế ngoài quốc doanh (tư nhân và cá thể), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Bảng 9: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994), tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp

Đơn vị tính: tỷ đồng

Thành phần kinh tế	Năm 1990	Năm 1995	Năm 2000	Ước 2004	Tăng trưởng bình quân (%)			
					1991-1995	1996-2000	2001-2004	1991-2004
Tổng cộng	**1.464,67**	**7.139,54**	**17.992,27**	**34.128,4**	**37,28**	**20,30**	**17,36**	**25,22**
Giá trị sản xuất công nghiệp quốc doanh	1.278,67	3.773,70	5.482,62	8.171,36	24,17	7,76	10,49	14,17
Giá trị sản xuất công nghiệp hợp tác xã	27,10	10,44	33,71	26,1	-17,37	26,42	-6,20	-0,27
Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh	158,40	552,79	1.839,29	4.934,09	28,40	27,18	27,98	27,84
Giá trị sản xuất công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	2.802,61	10.636,65	20.996,8	-	30,57	18,53	25,08
Cơ cấu (%)								
Công nghiệp quốc doanh	87,33	52,86	30,47	23,94	-	-	-	-
Công nghiệp hợp tác xã	1,85	0,15	0,19	0,08	-	-	-	-
Công nghiệp ngoài quốc doanh	10,82	7,74	10,22	14,46	-	-	-	-
Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	39,25	59,12	61,52	-	-	-	-

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Số liệu trên cho thấy, sản xuất công nghiệp ở Đồng Nai phát triển nhanh chóng trong thời kỳ 1991-2004, đặc biệt là từ năm 1995 đến nay do đóng góp của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần). Hai thành phần kinh tế này thực sự phát triển mạnh mẽ từ năm 1995 đến nay và chính sự phát triển đó đã làm cho tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của kinh tế quốc doanh và tập thể trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn giảm dần qua các năm:

- Công nghiệp quốc doanh đạt mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 1991-2004 là 14,17%/năm, trong đó giai đoạn 1991-1995 là 24,17%/năm, giai đoạn 1996-2000 là 7,76%/năm, giai đoạn 2001-2004 là 10,49%/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn giảm từ 87,33% năm 1990 xuống 52,86% năm 1995, năm 2000 là 30,47% và năm 2004 là 23,94%.

- Công nghiệp ngoài quốc doanh (tư nhân, cá thể) có mức tăng trưởng bình quân cao (28,4%) trong giai đoạn 1991-1995, trong cả giai đoạn 1991-2004 là 27,84%/năm.

- Công nghiệp khu vực kinh tế tập thể nhìn chung còn rất nhỏ bé so với các thành phần kinh tế khác trong ngành công nghiệp: tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp giảm dần trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn: năm 1990 là 1,85%, năm 1995 là 0,15%, năm 2000 là 0,19%, ước tính năm 2004 chỉ chiếm dưới 0,1%.

+ Thương mại, dịch vụ

Thương mại, dịch vụ ở Đồng Nai là ngành chịu sự tác động mạnh nhất của cơ chế thị trường, thể hiện rõ nét qua sự biến động về cơ cấu bán lẻ xã hội từ năm 1990 đến nay. Nếu như thời kỳ trước năm 1990 cơ cấu bán lẻ hàng hoá, dịch vụ xã hội chủ yếu tập trung ở ba thành phần chính là: quốc doanh, tập thể và cá thể, thì từ năm 1991 đến nay đã có sự tham gia tích cực của kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Kinh tế tư nhân cá thể đã và đang chi phối phần lớn thị trường bán lẻ xã hội:

Bảng 10: Tổng mức và cơ cấu bán lẻ qua các thời kỳ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Thành phần kinh tế	Năm 1990	Năm 1995	Năm 2000	Ước tính 2004	Tăng trưởng bình quân (%)			
					1991-1995	1996-2000	2001-2004	1991-2004
Tổng mức bán lẻ xã hội	**416,46**	**2.936,24**	**6.785,76**	**12.854**	**44,79**	**18,24**	**17,32**	**26,83**
Kinh tế quốc doanh	144,66	601,39	612,54	1.784,0	32,97	0,37	30,64	19,66
Kinh tế tư nhân, cá thể (ngoài quốc doanh)	305,55	2.329,15	5.649,75	9.962,93	50,11	19,39	15,24	28,26
Kinh tế tập thể	11,26	5,70	14,89	43,07	-12,73	21,17	30,41	10,06
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	508,57	1,064	-	-	20,07	-
Cơ cấu (%)								
Kinh tế quốc doanh	31,30	20,48	9,03	13,88	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân, cá thể (ngoài quốc doanh)	66,20	79,33	83,26	77,51	-	-	-	-
Kinh tế tập thể	2,5	0,19	0,22	0,34	-	-	-	-
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	7,49	8,27	-	-	-	-

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Năm 1990, kinh tế quốc doanh và tập thể chiếm tỷ trọng trong tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn tương ứng là 31,3% và 2,5%; đến năm 1995 những chỉ số đó giảm xuống tương ứng còn 20,48% và 0,19%; năm 2004 tương ứng là 13,88% và 0,34%. Trong khi đó, kinh tế tư nhân và cá thể chiếm phần lớn thị trường bán lẻ xã hội, năm 1990 khu

vực kinh tế này chiếm 66,2% thị phần, năm 1995 là 79,33% thị phần, ước tính năm 2004 chiếm khoảng 77,51% thị phần; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài năm 1995 hầu như chưa tham gia vào thị trường bán lẻ, năm 2000 đã chiếm 7,5% thị phần, ước tính năm 2004 chiếm khoảng 8,27% thị phần.

- *Nông nghiệp:*

Từ năm 1991 đến nay các thành phần kinh tế trong nông nghiệp ở Đồng Nai chịu sự tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường, tồn tại và phát triển dưới sự hỗ trợ, khuyến khích của Đảng và Nhà nước ta thông qua các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng. Trong giai đoạn này, lĩnh vực nông nghiệp ở Đồng Nai có sự tham gia của kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó kinh tế cá thể vẫn là thành phần đóng vai trò chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

- *Kinh tế quốc doanh:* Trong giai đoạn từ 1991 đến nay thành phần kinh tế này gặp nhiều khó khăn, bởi lẽ đứng trước thị trường các đơn vị quốc doanh nông nghiệp bị hạn chế về nhiều mặt[1]: vốn sản xuất - kinh doanh thấp, công tác tổ chức quản lý sản xuất chậm đổi mới, sản phẩm làm ra chủ yếu tiêu thụ dưới dạng thô và ở thị trường trong nước, sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra thấp nên khó tiêu thụ dẫn đến hiệu quả kinh tế kém, ít có khả năng tái đầu tư cho sản xuất. Các đơn vị quốc doanh nông nghiệp ở Đồng Nai trong giai đoạn này tiếp tục được sắp xếp lại nên số đơn vị giảm dần: năm 1990 toàn tỉnh có 16 doanh nghiệp nhà nước nông nghiệp (Trung ương và địa phương), đến năm 1995 còn 14 doanh nghiệp, đến nay còn 10 doanh nghiệp, trong đó chỉ còn một doanh nghiệp của Trung ương là Công ty cao su Đồng Nai.

Lao động của quốc doanh nông nghiệp trong giai đoạn này giảm dần, năm 1995 có 23.137 người, chiếm 4,66% lao động toàn ngành nông nghiệp; năm 2000 còn 19.584 người, bằng 84,3% so với năm 1995 (giảm 15,7%) và chiếm 3,6% tổng số lao động toàn ngành nông nghiệp; đến

---

[1] Ngoại trừ Công ty cao su Đồng Nai là đơn vị quốc doanh Trung ương có tiềm lực vốn và lao động lớn.

năm 2004 còn 17.617 người, giảm 10% so với năm 2000 và chiếm 3,4% lao động toàn ngành nông nghiệp.

Số cơ sở và số lao động có xu hướng giảm nên giá trị sản xuất nông nghiệp quốc doanh giai đoạn 1991-2004 tăng trưởng chậm, mức tăng bình quân đạt 4,5%/năm, trong đó thời kỳ 1991-2000 tăng 5,9%/năm, thời kỳ 2000-2004 tăng 0,25%/năm, như vậy mức tăng trưởng trong 4 năm gần đây là rất thấp và có xu hướng giảm. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp quốc doanh trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn năm 1990 là 10,38%, năm 1995 là 18,14%, năm 2000 là 11,63%, năm 2004 còn 9,4%.

- *Kinh tế tập thể:* Bước sang giai đoạn đổi mới, kinh tế tập thể nói chung và kinh tế tập thể trong nông nghiệp nói riêng gặp khó khăn lớn, vì vốn ít, trình độ quản lý thấp kém, khả năng cạnh tranh của sản phẩm thấp... không thể cạnh tranh được với mô hình kinh tế hộ nông dân đang phát triển nhanh. Số hợp tác xã nông nghiệp giảm mạnh, đến năm 1990 toàn tỉnh còn 6 hợp tác xã với 310 lao động, đến năm 1995 chỉ còn duy nhất 1 hợp tác xã (Hợp tác xã nông nghiệp Gò Me, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa).

Từ 1997 đến 2000 - thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình hợp tác xã, và từ năm 2002 - thực hiện Nghị quyết 13/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, năm 2003 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết nghị phê duyệt Đề án phát triển hợp tác xã giai đoạn 2003-2010 của tỉnh nên hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng trên địa bàn có điều kiện phát triển hơn trước: năm 2000 có 7 hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động, năm 2004 có 23 hợp tác xã hoạt động (chủ yếu làm dịch vụ nông nghiệp).

Tuy nhiên, hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng Nai mới chỉ tăng về số lượng, còn chất lượng hoạt động rất yếu kém. Giá trị sản xuất nông nghiệp của hợp tác xã năm 1995 do chỉ có 1 đơn vị nên rất thấp, không đáng kể trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; năm 2000 đạt 420 triệu đồng (giá cố định 1994), chiếm khoảng 0,01% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; năm 2004 đạt khoảng 1.200 triệu đồng, gần gấp 3 lần năm 2000 và chiếm 0,02% giá trị sản xuất toàn ngành. Như vậy, cho đến

nay giá trị sản xuất nông nghiệp của hợp tác xã vẫn chiếm tỷ lệ không đáng kể trong toàn ngành nông nghiệp.

Lực lượng lao động của hợp tác xã nông nghiệp tăng chậm và chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng số lao động ngành nông nghiệp. Năm 2000, hợp tác xã nông nghiệp có 310 lao động, chiếm 0,05% lao động ngành nông nghiệp; năm 2004 có 850 lao động, bằng 2,74 lần năm 2000 và chiếm 0,16%, mặc dù tăng nhanh trong 4 năm gần đây, nhưng hiện tại vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

- *Kinh tế tư nhân, cá thể:* Đây là thành phần đã và đang giữ vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai qua các thời kỳ.

Thành phần này chủ yếu bao gồm mô hình sản xuất hộ nông dân và phát triển mạnh mẽ từ những năm đổi mới, nhất là từ năm 1991 đến nay, dưới tác động của những chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước ta như chính sách giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân, hỗ trợ vốn tín dụng để hộ nông dân đầu tư sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản hàng hoá, miễn giảm thuế đất nông nghiệp...

Lao động của khu vực hộ sản xuất nông nghiệp cá thể tăng nhanh trong giai đoạn 1990-2000: năm 1990 khu vực này có 458,55 nghìn người; năm 2000 có 518,61 nghìn người, tăng 13,1% so với năm 1990. Tuy nhiên, từ năm 2000 đến nay lao động nông nghiệp hộ cá thể giảm dần do chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ theo xu hướng phát triển cơ cấu kinh tế của tỉnh: năm 2004, lao động nông nghiệp cá thể có 493,2 nghìn người, giảm 25,41 nghìn người và bằng 95,5% so với năm 2000.

Giá trị sản xuất của thành phần cá thể tăng trưởng ổn định và chiếm bộ phận chủ yếu trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của tỉnh. Mức tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp cá thể trong giai đoạn 1991-2004 đạt gần 5%/năm, trong đó giai đoạn 1991-2000 đạt 4,4%/năm, giai đoạn 2001-2004 đạt 6%/năm. Năm 1990, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp của kinh tế cá thể trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành trên địa bàn là 89,5%; năm 2000 chỉ số đó là 87%; năm 2004 ước tính là 84%.

Những năm gần đây, trong khu vực kinh tế tư nhân, cá thể thuộc lĩnh vực nông nghiệp ở Đồng Nai đã hình thành và phát triển khá nhanh mô hình kinh tế trang trại.

Đến tháng 7-2004, toàn tỉnh có 3.177 trang trại (theo tiêu chí mới), tăng 977 trang trại (45,6%) so với cùng thời điểm năm 2003. Tổng số vốn của trang trại là 981,59 tỷ đồng, bình quân vốn của 1 trang trại là 314 triệu đồng, tăng 45,3% so với năm 2003. Tổng số lao động của trang trại hiện nay là 12.932 người, tăng 1.380 người so với năm 2003, số lao động bình quân của 1 trang trại hiện nay là 4,15 người, thấp hơn só với 5,4 lao động vào thời điểm năm 2003. Tổng diện tích đất của tất cả các trang trại hiện có là 11.128 ha, tăng 1.061 ha (10,53%) so với năm 2003; bình quân 1 trang trại có 3,57 ha thấp hơn so với 4,7 ha của năm 2003 (thấp hơn gần 24%). Giá trị hàng hoá, dịch vụ của trang trại thực hiện năm 2003 là 931,16 tỷ đồng, tăng 72,9% so với năm 2002.

Hiện nay, Đồng Nai đứng thứ 11 trong cả nước và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Bộ về số lượng trang trại (sau Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương). Nhìn chung, mô hình kinh tế trang trại ở Đồng Nai thời gian qua đã thể hiện tính ưu việt hơn hẳn kinh tế hộ nông dân về khai thác tiềm năng đất đai, sử dụng nhiều lao động, huy động nguồn vốn đầu tư khá lớn, có điều kiện để ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra nhiều loại sản phẩm có chất lượng cao.

Tuy nhiên, mô hình kinh tế trang trại ở Đồng Nai cũng đã bộc lộ những hạn chế sau đây:

- Trang trại phát triển nhanh nhưng thiếu quy hoạch và định hướng phát triển lâu dài: Hầu hết các trang trại hình thành một cách tự phát và không có kế hoạch sản xuất kinh doanh lâu dài, ổn định, một số không nhỏ trang trại mới phát triển theo bề rộng mà chưa chú trọng vào việc đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, công tác tổ chức quản lý sản xuất của trang trại vẫn còn giản đơn và ở trình độ thấp.

- Quy mô trang trại còn nhỏ: Hiện nay, quy mô lao động bình quân ở 1 trang trại mới chỉ ở mức 4-5 người, không lớn hơn nhiều so với số lao động của 1 hộ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, trong khi đó trình độ văn hóa, chuyên môn của cả lao động và chủ các trang trại rất thấp, hầu

hết mới là trình độ phổ thông nên khả năng tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh bị hạn chế. Vốn sản xuất kinh doanh của các trang trại cũng khá thấp, hiện nay 1 trang trại chỉ có bình quân 314 triệu đồng, với mức vốn này thì các trang trại chưa có khả năng đầu tư lớn cho phát triển sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Hầu hết sản phẩm của các trang trại vẫn tiêu thụ ở dạng thô, do vậy việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp và thường bị ép cấp, ép giá.

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

Từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài đến nay, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai phát triển nhanh và chủ yếu tập trung ở lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, lĩnh vực nông nghiệp cũng có một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động trong các ngành chăn nuôi, sản xuất giống cây trồng: năm 1995, lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh có 3 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với 262 lao động, năm 2000 có 5 doanh nghiệp với 532 lao động, năm 2004 có 6 doanh nghiệp với trên 600 lao động. Nhìn chung, số doanh nghiệp và lao động thuộc kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với các lĩnh vực khác. Giá trị sản xuất nông nghiệp của thành phần này tuy đã có tăng trưởng đáng kể các năm vừa qua nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp Đồng Nai: năm 2000, giá trị sản xuất nông nghiệp của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 92,4 tỷ đồng, chiếm 2,14% giá trị sản xuất toàn ngành; năm 2004 ước tính đạt khoảng 115 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2000 và chiếm 2,2% giá trị sản xuất toàn ngành.

Chương 3

TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỒNG NAI

30 năm xây dựng và phát triển kinh tế Đồng Nai (1975-2005) có thể chia thành hai thời kỳ với sự tác động của hai cơ chế quản lý kinh tế khác nhau: thời kỳ 10 năm thực hiện cơ chế quản lý hành chính tập trung bao cấp (1975-1985) và thời kỳ 20 năm thực hiện đổi mới (1986-2005).

1. THỜI KỲ 1975-1985

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, theo tinh thần Nghị quyết ngày 29-9-1975 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 "Về nhiệm vụ của Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới", quá trình phát triển kinh tế của Đồng Nai cũng như các địa phương khác chịu sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Trung ương theo cơ chế hành chính mệnh lệnh tập trung bao cấp, trong cả nước thực hiện chế độ quản lý hành chính theo bốn cấp: Trung ương; tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; huyện và xã. Nhiệm vụ hàng đầu của cả nước lúc này là hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế những năm ngay sau giải phóng, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Đồng Nai dưới sự chỉ đạo của Trung ương đã triển khai thực hiện các chủ trương đưa nông dân vào làm ăn tập thể, khai hoang

phục hóa, mở rộng diện tích canh tác, vận động nhân dân hồi hương và đi mở mang các vùng kinh tế mới, tổ chức định canh, định cư, xây dựng các công trình thủy lợi, chuẩn bị các điều kiện tiền đề phục vụ các đợt cải tạo tư sản mại bản, thống nhất tiền tệ quốc gia...

Trong hơn 1 năm (30-4-1975–1976) Đồng Nai đã đạt được những thành tựu bước đầu trong việc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp với trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực, phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế khác, từng bước giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại, giảm bớt những khó khăn, cải thiện dần đời sống nhân dân:

- Khai hoang đưa vào sản xuất gần 25.000 ha đất, sửa chữa và xây dựng mới 18 công trình thủy lợi lớn, nhỏ. Đưa 3,3 vạn người trong tỉnh đi xây dựng các vùng kinh tế mới, giúp đỡ hàng vạn người trở về quê cũ làm ăn. So với năm 1975, diện tích canh tác nông nghiệp tăng 68,9%, sản lượng lương thực tăng 66%, diện tích cây công nghiệp tăng 45,6%, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng có bước phát triển.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhanh chóng được khôi phục và phát triển, xí nghiệp quốc doanh bước đầu được hình thành với 92 xí nghiệp. Trước ngày giải phóng, Khu kỹ nghệ Biên Hòa (nay là khu công nghiệp Biên Hòa I) chỉ có 36 xí nghiệp hoạt động, đến năm 1976 có 58 xí nghiệp hoạt động đều đặn. Hàng nghìn cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp được khôi phục và xây dựng mới. Toàn tỉnh có 21 cơ sở công tư hợp doanh, 36 cơ sở tập thể.

- Các ngành giao thông - vận tải, bưu điện, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng đã đạt một số kết quả bước đầu. *Về giao thông - vận tải*, khối lượng hàng hóa đạt 170% kế hoạch, vận tải hành khách đạt 416% kế hoạch; đã giáo dục, cải tạo và từng bước sử dụng lực lượng vận tải tư nhân, xây dựng lực lượng vận tải quốc doanh. *Bưu chính - viễn thông* được phục hồi và mở rộng, mạng lưới liên lạc thông suốt từ tỉnh đến các huyện, thị, thành phố và Trung ương. *Thương nghiệp quốc doanh* làm nhiệm vụ thu mua, nắm nguồn hàng, bán buôn, bán lẻ cung cấp theo định lượng 9 mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân viên và người ăn theo với giá bao cấp, được Nhà nước bù lỗ. *Tài chính - ngân hàng* đã bắt đầu

chú ý tăng cường công tác thu ngân sách và hoạt động tín dụng phục vụ sản xuất.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua tuy to lớn nhưng còn thấp so với yêu cầu và khả năng thực tế của tỉnh: trong nông nghiệp, lương thực làm ra chưa nhiều, việc thu mua và quản lý lương thực chưa tốt, số đông quần chúng chưa thực sự phát huy quyền làm chủ và nghĩa vụ của mình trong việc cùng Nhà nước thu mua và quản lý lương thực; tốc độ phát triển của các ngành kinh tế chậm, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa trong sản xuất, quản lý và phân phối chưa tốt; việc cải tạo các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa chưa đạt được kết quả đáng kể, thị trường bị tư thương thao túng.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân. Về phía khách quan, hậu quả nặng nề của chiến tranh và chính sách thực dân mới của Mỹ để lại. Về phía chủ quan, những bất cập trong cơ chế, chính sách chung theo mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ của Đảng và Nhà nước, việc "tổ chức thực hiện chưa tập trung, chưa sâu sắc, cụ thể và thiếu nhạy bén"[1] của Đảng bộ và chính quyền tỉnh.

Trong những năm 1977-1978, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I đã đề ra phương hướng phát triển kinh tế của tỉnh như sau:

- Trên cơ sở đẩy mạnh nông nghiệp toàn diện, bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp, từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công, nông nghiệp giàu mạnh.

- Trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, đặc biệt là sản xuất lương thực, cải tiến thêm một bước công tác lưu thông phân phối nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, tạo ra những điều kiện cần thiết làm cơ sở tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc hơn trong 2 năm kế tiếp, cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, hoàn thành phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976-1980).

---

[1] *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.*

Để thực hiện phương hướng phát triển kinh tế nói trên, Đảng bộ Đồng Nai đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể trong 2 năm 1977-1978:

- Ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, đặc biệt là tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, đồng thời đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp, ngư nghiệp. Tích cực xây dựng công nghiệp địa phương (chú trọng ngành cơ khí, chế biến nông - lâm - hải sản, trước hết là chế biến lương thực). Tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, một số mặt hàng tiêu dùng thông thường thiết yếu cho nhân dân, tăng sản lượng và mặt hàng bán ra, tăng nhanh hàng xuất khẩu.

- Cải tiến công tác lưu thông phân phối, thể hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống.

- Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư doanh, đặc biệt ngành giao thông - vận tải và lưu thông phân phối; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp, ngư nghiệp, tạo cơ sở vững chắc để hoàn thành việc cải tạo trong năm tới.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh cũng đề ra kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ nói trên với khẩu hiệu "*Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân*".

Thực hiện các chủ trương, chính sách nói trên, trong 2 năm 1977-1978, Đồng Nai đã đẩy mạnh phong trào tập thể hóa nông nghiệp và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp, thương nghiệp, giao thông - vận tải, lâm nghiệp: trong *nông nghiệp*, toàn tỉnh thành lập được 960 tập đoàn sản xuất; 11 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bao gồm 25% hộ nông dân và 31% diện tích canh tác; 21 xã và 87 ấp đã hoàn thành cơ bản việc tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể. Qua cải tạo đã chuyển tư liệu sản xuất chủ yếu của giai cấp tư sản sang sở hữu toàn dân và tập thể (trong tổng số 103 xí nghiệp có 96 xí nghiệp quốc doanh, 4 xí nghiệp công tư hợp doanh; ngành giao thông - vận tải có 5 xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh). Đối với ngành *thương nghiệp*, thực hiện Chỉ thị 100/CP ngày 12-4-1977 của Chính phủ về đẩy mạnh cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh, ở cấp tỉnh

và huyện đều thành lập Ban cải tạo công thương nghiệp, đầu năm 1978 tiến hành kê khai, đăng ký kinh doanh, đình chỉ hoạt động của các hộ tư sản thương nghiệp kinh doanh những loại vật tư và hàng tiêu dùng thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý; tổ chức và sắp xếp lại các hộ tiểu thương theo từng ngành hàng. Đến cuối năm 1978, thành lập được 78 cửa hàng thương nghiệp quốc doanh và 112 hợp tác xã mua bán cấp xã với 4.101 lao động.

Trong 2 năm 1977-1978, nền kinh tế Đồng Nai đã đạt được một số kết quả đáng kể:

- Diện tích cây lương thực từ 110.000 ha năm 1976 đã tăng lên 150.000 ha năm 1978; sản lượng lương thực tuy chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra nhưng cũng tăng từ 210.000 tấn năm 1976 lên 248.000 tấn năm 1977, năm 1978 tuy bị thiên tai làm mất mùa hơn 50.000 ha nhưng vẫn đạt 184.000 tấn. Trong cơ cấu lương thực, tỷ lệ màu quy lúa tăng từ 37% năm 1976 lên 64% năm 1978. Chăn nuôi heo được giữ vững, từng huyện đều hình thành đàn heo quốc doanh khoảng 200 con. Khai hoang và đưa vào sản xuất trên 15.000 ha. Công tác trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ được đẩy mạnh, xây dựng được 5 lâm trường, 23 vườn ươm, trồng thêm được 4.000 ha rừng, bước đầu quy hoạch vùng lâm nghiệp. Xây dựng được 11 nông trường. Việc đánh bắt, thu mua thủy sản tuy đạt kết quả thấp nhưng công tác xuất khẩu cá đông lạnh, chế biến nước mắm, nuôi trồng hải sản và tôm cá nước lợ có bước tiến bộ, nghề muối đạt 111% kế hoạch.

- Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã nỗ lực khắc phục khó khăn về nguyên liệu và phụ tùng thay thế, đạt giá trị tổng sản lượng năm 1978 gấp 2 lần năm 1976, trong đó công nghiệp quốc doanh gấp 7 lần năm 1976. Việc khai thác nguyên liệu địa phương để sản xuất các mặt hàng cơ khí, hóa chất, hàng tiêu dùng và xuất khẩu... đã bước đầu được chú trọng.

- Hệ thống lưu thông phân phối xã hội chủ nghĩa bước đầu được hình thành góp phần giải quyết một số khó khăn trong đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

- Xuất khẩu vượt kế hoạch Trung ương giao.

- Giao thông - vận tải đường bộ, đường sông có nhiều tiến bộ trong việc phục vụ sản xuất và sự đi lại của nhân dân. Nhà nước đã cải tạo và quản lý được đa số xe tải trọng lớn; đã duy tu, bảo dưỡng một số đường giao thông, mở rộng một số tuyến đường mới, nhất là đường vào các khu kinh tế mới.

- Ngành bưu điện đã khắc phục khó khăn, củng cố mạng lưới điện thoại đã có, mở thêm mạng lưới bưu chính - viễn thông xuống một số huyện, hoàn thành kế hoạch thư tín, báo chí.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất. Tỉnh đã tiến hành một bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới đi đôi với khôi phục những cơ sở cũ nhằm tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, trước mắt là sản xuất nông nghiệp[1].

Có thể nói, trong bối cảnh vừa khắc phục hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ để lại, vừa bị thiên tai làm mất mùa, đồng thời phải chi viện sức người, sức của đối phó với các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc, trấn áp âm mưu gây bạo loạn trong nước... những thành tựu nói trên là to lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc ổn định đời sống của nhân dân, xây dựng đời sống kinh tế mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng thể hiện sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Nai trong phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, kết quả đạt được còn thấp so với những chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I đề ra; đời sống của cán bộ, công nhân viên, bộ đội và nhân dân, đặc biệt là nhân dân thành phố gặp rất nhiều khó khăn; hiệu quả sản xuất thấp; công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là tập thể hóa nông nghiệp chưa thật vững chắc do vi phạm nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi trong hợp tác hóa, chưa kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo với xây dựng.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân. *Về phía khách quan*: hậu

---

[1] Trong thời gian này, Đồng Nai đã hoàn thành 78 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, bảo đảm nước tưới tiêu cho 8.730 ha.

quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới hết sức nặng nề; thiên tai; tình hình quốc tế phức tạp, nhất là quan hệ Việt - Trung. *Về phía chủ quan*, hạn chế từ cơ chế, chính sách chung của Nhà nước; tính độc lập, tự chủ của chính quyền cấp tỉnh chưa được tôn trọng và phát huy, do đó các thế mạnh của địa phương chưa được nhận thức đầy đủ và huy động vào mục đích phát triển kinh tế; chính quyền các cấp chưa phát huy đúng mức hiệu lực của mình trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý thị trường; chưa tôn trọng và phát huy đúng mức quyền làm chủ của nhân dân, do vậy chưa có những biện pháp cụ thể để phát động phong trào quần chúng làm kinh tế; tổ chức cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể chưa đủ mạnh ngang tầm với nhiệm vụ mới, năng lực tổ chức thực hiện còn yếu.

Giai đoạn 1979-1980, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng (các Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng nhiệm kỳ IV, kế hoạch 5 năm lần thứ hai 1976-1980), Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đề ra phương hướng tổng quát trong 2 năm 1979-1980 là *quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương Đảng, thấu suốt quan điểm độc lập tự chủ, nâng cao tinh thần cách mạng tiến công và ý chí tự lực tự cường, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hệ thống chuyên chính vô sản, phát huy đúng mức những thế mạnh của tỉnh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế, trước hết là phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực để ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển những năm sau.*

Trong lĩnh vực kinh tế, Đại hội đề ra ba mục tiêu:

- Ra sức xây dựng kinh tế, phát triển toàn diện, vượt bậc sản xuất nông nghiệp, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, bảo đảm cho mọi người có công ăn việc làm;

- Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và công thương nghiệp; kết hợp chặt chẽ cải

tạo với xây dựng và tổ chức lại sản xuất, phát triển được sản xuất, phục vụ đời sống quần chúng, tăng thu nhập cho nhân dân.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau, ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm.

Như vậy, hơn 3 năm từ Đại hội lần thứ II đến Đại hội lần thứ III Đảng bộ tỉnh là thời gian Đồng Nai tiếp tục khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế theo đường lối mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra và được cụ thể hóa hơn ở Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V. Trong thời gian đó, Đồng Nai đã đạt được nhiều tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế, góp phần ổn định tình hình chung trong tỉnh, tạo cơ sở vật chất ban đầu cho chủ nghĩa xã hội:

- Trong nông nghiệp, hậu quả mất mùa năm 1978 đã nhanh chóng được khắc phục, diện tích canh tác, sản lượng lương thực tăng đáng kể. Cơ cấu cây trồng thay đổi theo hướng tích cực, ổn định thêm một bước về lương thực, mở rộng diện tích một số cây chuyên canh có giá trị cao, tỷ suất hàng hóa lớn, đưa nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện hơn cả trồng trọt và chăn nuôi.

- Phong trào tập thể hóa nông nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển về chất nhờ thực hiện Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 13-1-1981 về cải tiến công tác khoán sản phẩm, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động: Đã khoán sản phẩm trong 10/14 hợp tác xã và 295/624 tập đoàn sản xuất, năm 1982 thêm 62 tập đoàn sản xuất và 3 hợp tác xã áp dụng cơ chế khoán sản phẩm. Đến cuối năm 1982, toàn tỉnh tập thể hóa được 14% số hộ và 10% diện tích canh tác, tuy giảm so với năm 1978 nhưng chất lượng được nâng lên (trong số 624 tập đoàn, đã phân loại 466 tập đoàn với 17% tiên tiến, 29% khá, 31% trung bình, 23% yếu kém; trong 14 hợp tác xã, có 28% tiên tiến, 21% khá, 14% trung bình, 37% yếu kém).

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương và trung ương liên tiếp trong các năm qua gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, năng lượng (Trung ương cân

đối cho địa phương giai đoạn 1979-1981 chỉ bằng 20-30% của các năm 1976-1978 nhưng các xí nghiệp đã cố gắng chủ động khắc phục khó khăn, tự cân đối thêm bằng nhiều nguồn bảo đảm duy trì và tiếp tục phát triển sản xuất. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp giai đoạn 1979-1981 tăng 160 triệu đồng so với giai đoạn 1976-1978. Đặc biệt, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng nhanh hơn với sự ra đời của Quyết định 25/CP ngày 25-01-1981 về kế hoạch 3 phần (A, B, C).

- Xây dựng cơ bản đạt được nhiều tiến bộ trong việc xây dựng mới và hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tăng năng lực sản xuất và phục vụ đời sống nhờ những chấn chỉnh trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư và vận dụng tốt phương châm "Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm".

- Giao thông - vận tải cũng đạt được nhiều tiến bộ nhờ vận dụng hình thức khoán và các đòn bẩy vật chất khác.

- Giá trị và khối lượng hàng hóa giao nộp cho Trung ương tăng dần.

- Hoạt động tài chính có nhiều tiến bộ trong việc tăng thu ngân sách nhà nước và cân bằng thu chi ngân sách địa phương: Từ năm 1979, theo tỷ lệ điều tiết năm nào cũng có kết dư nhờ biện pháp phân cấp ngân sách cho cấp huyện, thị, thành phố.

Đồng Nai cũng đạt được nhiều thành tựu khác trên các lĩnh vực ngân hàng, công tác giá cả, hoạt động du lịch, xuất khẩu...

Những thành tựu nói trên bắt nguồn từ đường lối đúng đắn mà Đại hội Đảng lần thứ IV đề ra, được tổng kết, rút kinh nghiệm và cụ thể hóa thêm tại Đại hội lần thứ V của Đảng và Nghị quyết lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, trên cơ sở đó Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã có nhiều nghiên cứu, chấp hành và vận dụng kịp thời, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nền kinh tế Đồng Nai cũng bộc lộ những hạn chế nhất định đòi hỏi phải có những điều chỉnh về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế:

- Sản xuất tuy có bước phát triển nhưng còn nhiều khó khăn, chưa ổn định, tình trạng mất cân đối vẫn nghiêm trọng, hiệu quả sản xuất thấp,